

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục MN, năm học 2023- 2024**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
<b>I</b>	<b>Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục mà trẻ dự kiến đạt được.</b>		
<b>1</b>	<b>Dự kiến mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ khoẻ mạnh cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:</li> <li>*Về cân nặng : + Trẻ bình thường: 97 % Trẻ SDD thể nhẹ cân cuối năm: dưới 3,0%.</li> <li>*Về chiều cao: Tỷ lệ trẻ thấp còi còn dưới 4%, giảm 2-3% so với đầu năm học.</li> <li>+ Trẻ bình thường: 96.0%</li> <li>- Trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt của nhà trẻ.</li> <li>- Trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ khoẻ mạnh cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</li> <li>*Về cân nặng : + Trẻ bình thường: 97,0 % Trẻ SDD thể nhẹ cân cuối năm: dưới 3%.</li> <li>*Về chiều cao: Còn dưới 4%, giảm 2-3% so với đầu năm học.</li> <li>+ Trẻ bình thường: 96.0%</li> <li>- Có một số hiểu biết về các loại thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khoẻ. Có thói quen tốt trong ăn uống, Biết phòng tránh một số tai nạn cho bản thân.</li> </ul>
<b>2</b>	<b>Dự kiến mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ hiểu được yêu cầu đơn giản bằng lời nói và sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu của mình.</li> <li>- Ham hiểu biết, thích khám phá môi trường xung quanh. Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt bằng các câu hỏi.</li> <li>- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ. Mạnh dạn và có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với người thân và sự vật gần gũi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ ham hiểu biết, thích khám phá sự vật hiện tượng xung quanh.</li> <li>- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý và ghi nhớ có chủ định.</li> <li>- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật hiện tượng xung quanh và một số biểu tượng ban đầu về toán.</li> <li>- Biết quan tâm, chia sẻ, hợp tác .</li> <li>- Thực hiện tốt một số quy định trong sinh hoạt ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.</li> </ul>
<b>II</b>	<b>Chương trình CSGD nhà trường đang thực hiện</b>		
<b>II</b>		Chương trình giáo dục mầm non.	Chương trình giáo dục mầm non.
<b>III</b>	<b>Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực</b>	LV GDPTTC: 96.0.%; LVGDPTNT: 96.5%; LVGDPTNN: 96.0%; LVPTTCXH: 95.0%	LV GDPTTC: 98.0%; LVGDPTNT: 96.5%; LVGDPTNN: 97.0%; LVPTTCXH: 97.0%; LVGDTM: 97.0%
<b>IV</b>	<b>Các hoạt động hỗ trợ, CS,GD trẻ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các hoạt động CSGD theo chương trình GDMN phù hợp với điều kiện địa phương và đặc điểm của trẻ..</li> <li>- Tổ chức các hoạt động vui chơi, trải nghiệm cho trẻ theo chủ đề và ngày lễ hội.</li> <li>- Tăng cường các điều kiện về CSVC, trang thiết bị để thực hiện công tác CSND trẻ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các hoạt động CSGD theo chương trình GDMN phù hợp với điều kiện địa phương và đặc điểm của trẻ..</li> <li>- Tổ chức các hoạt động vui chơi, trải nghiệm cho trẻ theo chủ đề và ngày lễ hội.</li> <li>- Tăng cường các điều kiện về CSVC, trang thiết bị để thực hiện công tác CSND trẻ.</li> </ul>

Diễn Lâm, ngày 30 tháng 09 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**

**THÔNG BÁO**  
**Về các khoản thu trong năm học 2023- 2024**

Thực hiện Căn cứ công văn số: 2266/SGD&ĐT-KHTC ngày 21/09/2023 về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2023-2024 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Nghị quyết họp hội cha mẹ học sinh ngày 18/10/2023. Năm học 2023-2024 trường Mầm non Diễn Lâm 2 thực hiện các khoản thu như sau: .

**I. Thu học phí:**

Thu học phí: (bắt buộc): **Mức thu: 100.000 đồng/cháu/tháng.**

**II. Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục nhà trường.**

**2.1. Tiền tổ chức bán trú trong trường mầm non:**

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về việc quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An ;

- Tiền ăn bán trú : 20.000đ/ngày/học sinh

- Tiền chi trả thuê khoán người nấu ăn và chi phí tổ chức bán trú : Dự kiến mức thu: 100.000đ/tháng/HS.

**2.2. Chương trình dạy ngoại ngữ tăng cường: Tiếng Anh.**

- Mức thu: 22.000đ/tiết/học sinh.

**2.3. Chương trình dạy tăng cường năng khiếu: Múa, Aerobic**

- **Múa:** Mức thu: 16.000đ/tiết/học sinh.

- **Aerobic:** Mức thu: 15.000đ/tiết/ học sinh.

**III. Các khoản thu tự nguyện:**

**1. Thu kinh phí hoạt động của Hội Cha mẹ học sinh:**

Thực hiện theo Nghị quyết cuộc họp phụ huynh ngày 18/10/2023. Do các lớp bàn bạc và thống nhất theo các nội dung họp ở các lớp.

**2. Tài trợ Giáo dục:** Thực hiện theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018: Nhà trường xây dựng kế hoạch tài trợ Thiết bị, đồ dùng phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu với 07 danh mục: Các tổ chức, các nhân, các nhà hảo tâm và các bậc phụ huynh tài trợ cho trường có thể bằng hiện vật hoặc tiền thông qua tổ tiếp nhận tài trợ của nhà trường.

Diễn lâm, ngày 30 tháng 09 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Bình**

**THÔNG BÁO**

**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023- 2024**

*(Theo Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT- Ban hành quy chế thực hiện Công khai đối với Cơ sở Giáo dục và Đào tạo)*

Đơn vị tính: trẻ em

ST T	NỘI DUNG	TỔNG SỐ TRẺ	NHÀ TRẺ			MẪU GIÁO		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
<b>I</b>	<b>Tổng số trẻ em</b>	<b>470</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	<b>119</b>	<b>146</b>	<b>155</b>
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	470	0	0	50	119	146	155
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>	<b>470</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	<b>119</b>	<b>146</b>	<b>155</b>
<b>III</b>	<b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>	<b>470</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	<b>119</b>	<b>146</b>	<b>155</b>
<b>IV</b>	<b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b>	<b>470</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	<b>119</b>	<b>146</b>	<b>155</b>
<b>V</b>	<b>Kết quả phát triển sức khỏe của TE</b>	<b>470</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	<b>119</b>	<b>146</b>	<b>155</b>
1	Số trẻ em cân nặng bình thường	451	0	0	49	116	139	147
2	Số trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	19	0	0	1	3	7	8
3	Số trẻ em có chiều cao bình thường	440	0	0	47	109	139	145
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	26	0	0	3	8	6	9
5	Số trẻ thừa cân, béo phì	4	0	0	0	2	1	1
<b>VI</b>	<b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b>	<b>470</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	<b>119</b>	<b>146</b>	<b>155</b>
1	<b>Chương trình giáo dục nhà trẻ</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2	<b>Chương trình giáo dục mẫu giáo</b>	<b>470</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	<b>119</b>	<b>146</b>	<b>155</b>

Diễn Lâm, ngày 30 tháng 09 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Bình**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở GDMN, năm học 2023- 2024**  
(Theo Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT- Ban hành quy chế thực hiện Công khai đối với Cơ sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	NỘI DUNG		SỐ LƯỢNG	BÌNH QUÂN		
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng</b>		<b>20</b>	(16 phòng học và 6 phòng chức năng)		
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>					
1	Phòng học kiên cố		<b>12</b>			
2	Phòng học bán kiên cố		<b>04</b>	04 phòng học cũ xuống cấp		
3	Phòng học tạm		<b>0</b>			
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>		<b>02</b>			
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>		<b>7746</b>			
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>		<b>1.550</b>			
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>					
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )		<b>720</b>	Bình quân 1.m2/ trẻ		
2	Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )		<b>0</b>			
3	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )		<b>53,9</b>	Bình quân 0,1 m <sup>2</sup> /trẻ		
4	Diện tích sân chơi (m <sup>2</sup> )		<b>204</b>	Bình quân 0.4m <sup>2</sup> /trẻ		
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m <sup>2</sup> )		<b>0</b>	Chỉ có khu vui chơi GDPT thể chất ngoài trời		
6	Diện tích phòng GD Nghệ thuật (hoặc phòng đa chức năng)		<b>50</b>			
7	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m <sup>2</sup> )		<b>160</b>	Bình quân 0.3 m <sup>2</sup> /trẻ		
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu( Bộ)</b>		<b>12</b>	Có 4 lớp 5 tuổi, đủ theo quy định, các lớp còn lại thiếu đàn organ và một số ít thiết bị khác		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>		<b>24</b>	<b>24 cái/ 5 loại</b>		
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính,ty vi máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v... )</b>		<b>16</b>	<b>3 máy tính và 13 ty vi</b>		
<b>X</b>	<b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Ngoài danh mục tối thiểu theo quy định....)</b>		<b>0</b>	Số thiết bị/nhóm (lớp)		
<b>XI</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	<b>Dùng cho giáo viên</b>	<b>Dùng cho học sinh</b>		<b>Số m<sup>2</sup>/trẻ em</b>	
			Chung	Nam/Nữ	<b>Chung</b>	<b>Nam/Nữ</b>
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>4</b>		<b>0.14</b>
					<b>Có</b>	<b>Không</b>
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh				X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)				X	
XIII	Kết nối internet				X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục				X	
XV	Tường rào xây				X	

Diễn Lâm, ngày 30 tháng 09 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Bình**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên  
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023- 2024**

*(Theo Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT- Ban hành quy chế thực hiện Công khai đối với Cơ sở Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp Năm 2019-2020				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>24</b>	<b>7</b>	<b>12</b>		<b>1</b>	<b>4</b>	<b>26</b>	<b>18</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>6</b>	<b>2</b>		<b>0</b>	<b>4</b>	<b>23</b>	<b>15</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nhà trẻ	4			3	1	0		0	1	3	2	2	0	0
2	Mẫu giáo	24			17	5	2		0	3	20	13	5	0	0
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1				1			1						
5	Nhân viên nấu ăn, BV	12					10								
..	..														

Diễn Lâm, ngày 30 tháng 09 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Bình**

**RÀ SOÁT CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN, ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG MẦM  
NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA MỨC ĐỘ 1, NĂM HỌC 2023-2024**

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	Kết quả				Ghi chú
	Không đạt	Đạt <i>(Mức KĐCL theo TT19)</i>			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
<b>Tiêu chuẩn 1</b>	<b>Tổ chức và quản lý nhà trường</b>				
<b>Tiêu chí 1.1 (3 Mức)</b> Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường		x	x	X	
Tiêu chí 1.2 Hội đồng trường và các hội đồng khác		x	x		
<b>Tiêu chí 1.3(3 Mức)</b> Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường		x	x	X	
<b>Tiêu chí 1.4(3 Mức)</b> Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng		x	x	X	
<b>Tiêu chí 1.5 (3 Mức)</b> Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo		x	x	X	
<b>Tiêu chí 1.6 (3 Mức)</b> Quản lý hành chính, tài chính và tài sản		x	x	x	
Tiêu chí 1.7 Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên		x	x		
Tiêu chí 1.8 Quản lý các hoạt động giáo dục		x	x		
Tiêu chí 1.9 Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở		x	x		
Tiêu chí 1.10 Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học		x	x		
<b>Tiêu chuẩn 2</b>	<b>Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên</b>				

Tiêu chí 2.1 <b>(3 Mức)</b> Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng		x	x	x	
Tiêu chí 2.2 <b>(3 Mức)</b> Đối với giáo viên		x	x	X	
Tiêu chí 2.3 <b>(3 Mức)</b> Đối với nhân viên		x	x	X	
<b>Tiêu chuẩn 3</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.</b>				
Tiêu chí 3.1 <b>(3 Mức)</b> (Diện tích khuôn viên và sân trường)		x	x		Diện tích cần thêm 2.000 m <sup>2</sup> để xây dựng thêm phòng học và bố trí khu trải nghiệm, khu vận động ngoài trời.
Tiêu chí 3.2 <b>(3 Mức)</b> (Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.)	<b>X</b>				M1: Phòng sinh hoạt chung diện tích chưa bảo đảm, không có phòng ngủ, phòng kho; hiện chơi thiếu diện tích, thiếu phòng GDTC, M2: Thiếu khu GDTC riêng biệt; M3: Thiếu phòng ngoại ngữ, tin học CQGM2: TT13 thiếu phòng GV 12m <sup>2</sup> / lớp; kho 6m <sup>2</sup> /lớp.
Tiêu chí 3.3 <b>(3 Mức)</b> (Khối phòng hành chính quản trị)	<b>X</b>				Thiếu văn phòng,
Tiêu chí 3.4 <b>(3 Mức)</b> (khối phòng tổ chức ăn)		x	x	X	
Tiêu chí 3.5 <b>(3 Mức)</b> (TB, ĐĐ, ĐC)		x	X	X	Thiết bị nhóm lớp dưới 5 tuổi thiếu 1 số ít và thiếu Đàn (Nhà trường sẽ khắc phục được năm 2023)
Tiêu chí 3.6 (Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước)	<b>X</b>				Công trình vệ sinh thiếu, diện tích, thiết kế không bảo đảm. Không đạt
<b>Tiêu chuẩn 4</b>	<b>Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>				
Tiêu chí 4.1 <b>(3 Mức)</b> Ban đại diện cha mẹ trẻ		x	X	X	
Tiêu chí 4.2 <b>(3 Mức)</b> Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.		x	X	X	
<b>Tiêu chuẩn 5</b>	<b>Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.</b>				
Tiêu chí 5.1 <b>(3 Mức)</b> Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.		x	X		Chưa Phát triển Chương trình GDMN trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế . Năm 2023, khi Bộ có hướng

					dẫn cụ thể sẽ áp dụng và sẽ đạt M3
<b>Tiêu chí 5.2 (3 Mức)</b> Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.		x	X	X	
<b>Tiêu chí 5.3 (3 Mức)</b> Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ		x	X		Không đạt mức 3 do tỷ lệ trẻ thấp còi chưa đạt (7,4% so với yêu cầu 5%. Dự kiến năm 2023 sẽ đạt .
<b>Tiêu chí 5.4 (3 Mức)</b> Kết quả giáo dục.		x	x	X	

Tổng số các chỉ số Mức 1 đạt 22/25, tỷ lệ 88,0%.

Tổng số các chỉ số Mức 2 đạt 22/25, tỷ lệ 88,0%.

Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 13/19; Tỷ lệ 68,4%.

Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1, Mức 2, Mức 3: 3/25; Tỷ lệ 12,0%.

*Diễn Lâm, ngày 30 tháng 09 năm 2023*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Bình**